

Bản án số: 117 /2017/HNGĐ-ST

Ngày 25/8 /2017

V/v: “*Tranh chấp về nuôi con
của nam nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TINH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Ý

2. Bà Lê Thị Lệ Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Tấn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tinh, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tinh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị V, sinh năm 1975; có mặt.

Địa chỉ: X 2, thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Tạ Đức Q, sinh năm 1974; có mặt.

Địa chỉ: X 2, thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/6/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tạ Đức Q trước khi tổ chức lễ cưới có tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới vào tháng 10 năm 1994 và sống chung với nhau

từ tháng 10/1994 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới chị và anh Q sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q đam mê cờ bạc không lo làm ăn, bao nhiêu tài sản của vợ chồng tạo lập đã bán đi, anh Q đã có quan hệ ngoại tình với người khác chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Q vẫn không thay đổi tính tình.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Trong quá trình sống chung chị và anh Q có 02 con là Tạ Đức T1 –Sinh ngày 14/7/1995 và Tạ Đức T2 –sinh ngày 01/8/2004, cháu Tạ Đức T1 đã trưởng thành có việc làm ổn định nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Tạ Đức T2 hiện nay do chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Tạ Đức T2, không yêu cầu anh Quang cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai vay mượn.

Theo bản tự khai ngày 15/6/2017 và tại phiên tòa bị đơn anh Tạ Đức Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị V tổ chức lễ cưới vào tháng 10/1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì xảy ra. Do anh cũng làm những việc có lỗi với vợ, làm cho chị V không hài lòng. Hiện tại anh muốn sửa đổi để bù đắp cho vợ con nên yêu cầu cho vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu chị V không đồng ý đoàn tụ thì anh đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con đúng như chị V đã trình bày. Đối với cháu Tạ Đức T1 đã trưởng thành, có công việc làm ổn định nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Tạ Đức T2 anh đồng ý giao cho chị V nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh với chị V không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai vay mượn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị V và anh Tạ Đức Q tổ chức lễ cưới vào tháng 10 năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo xác nhận của UBND xã T thì chị Lê Thị V và anh Tạ Đức Q sống chung với nhau từ năm 1994,

trong sổ lưu đăng ký kết hôn của UBND xã T không có tên của chị Lê Thị V và anh Tạ Đức Q.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

Trước đây và tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Tạ Đức Q, anh Q đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị V yêu cầu ly hôn anh Q, anh Q thuận tình ly hôn với chị V là không có căn cứ chấp nhận vì chị V và anh Q không phải là vợ chồng theo quy định như đã viện dẫn ở trên. Do đó Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh Q là có cơ sở đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Quyền, nghĩa vụ của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con*”. Chị V và anh Q có 02 con chung là Tạ Đức T1, sinh ngày 14/7/1995 và Tạ Đức T2, sinh ngày 01/8/2004, cháu Tạ Đức T1 đã trưởng thành có công việc làm ổn định nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Tạ Đức T2 hiện nay do chị V đang nuôi dưỡng, chị V yêu cầu được nuôi cháu T2, cháu T2 có nguyện vọng ở với mẹ, anh Q đồng ý giao con cho chị V nuôi dưỡng. Chị V được Hội liên hiệp phụ nữ xã T xác nhận có thu nhập và đảm bảo điều kiện nuôi con, nên công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị V và anh Q giao cháu T2 cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, anh Quang không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị V và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai vay mượn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Lê Thị V phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 147; 235; 266; 271 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81; 82; 83; 84; Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị V với anh Tạ Đức Q.
2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị V và anh Q: Giao cháu Tạ Đức T1, sinh ngày 01/8/2004 cho chị Lê Thị V nuôi dưỡng, anh Tạ Đức Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị V và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai vay mượn.

* Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0003225 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Tịnh, chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VK SND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Tuyết Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ